TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-1-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Ngô Văn Lầu.

2/ Bà Lý Thị Sẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Ông Le, Viet H, sinh năm 1961. Địa chỉ: XX, YY, USA (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/- Bị đơn: Bà Bùi Thị Huy K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tr, khóm T, phường B thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/- *Theo đơn khởi kiện ngày 8/11/2017, nguyên đơn ông Le, Viet H trình bày:* Vào năm 2015 qua bạn bè và người quen giới thiệu, ông quen biết với bà Bùi Thị Huy K. Sau một thời gian tìm hiểu, hai người đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2017 ngày 06/7/2017. Sau khi kết hôn, ông ở lại Việt Nam một thời gian ngắn thì trở về Hoa Kỳ, còn bà Bùi Thị Huy K vẫn ở Việt Nam vì ông chưa làm thủ tục bảo lãnh cho bà K sang Hoa Kỳ. Sau khi ông trở về Hoa Kỳ một thời gian thì giữa ông và bà K bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, giữa hai người không thể hòa hợp, tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay ông ở Hoa Kỳ,

còn bà K ở Việt Nam, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị Huy K.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/11/2017 ông LE, VIET H trình bày do hiện nay ông đang định cư ở Hoa Kỳ, thời gian ở Việt Nam không được nhiều, công việc của ông ở Hoa Kỳ cũng bận rộn nên ông không thể sắp xếp thời gian để tham gia vụ án được vì vậy ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi làm việc của Tòa án các cấp và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp, ông cam kết không khiếu nại về sau.

2/- *Theo đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và xét xử vắng mặt đề ngày 17/11/2017, bà Bùi Thị Huy K trình bày:* Quá trình quen biết, đăng ký kết hôn và việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông LE, VIET H trình bày. Sau khi được biết ông H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn bà K có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K đồng ý ly hôn với ông LE, VIET H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông bà không có, bà thống nhất không đặt ra xem xét.

Do hiện nay bà bận đi làm, không có nhiều thời gian rảnh nên bà đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi làm việc của Tòa án các cấp và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông LE, VIET H, giữ nguyên nội dung khởi kiện là yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Huy K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2018 của nguyên đơn LE, VIET H, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Huy K; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Ông LE, VIET H và bà Bùi Thị Huy K đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/7/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà K là hôn nhân hợp pháp.

[2] Vào năm 2015 qua bạn bè và người quen giới thiệu, nguyên đơn ông H quen biết với bị đơn bà Bùi Thị Huy K. Sau một thời gian tìm hiểu, hai người đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2017 ngày 06/7/2017, Sau khi kết hôn, ông H ở lại Việt Nam một thời gian ngắn thì trở về Hoa Kỳ, còn bà Bùi Thị Huy K vẫn ở Việt Nam vì ông H chưa làm thủ tục bảo lãnh cho bà K sang Hoa Kỳ. Sau khi ông H trở về Hoa Kỳ một thời gian thì giữa ông và bà K bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, giữa hai người không thể hòa hợp, tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay ông H ở Hoa Kỳ, còn bà K ở Việt Nam, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình**.**

[3] Xét thấy, về mâu thuẫn ông H và bà K đều xác nhận trong thời gian xa nhau thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hiện nay đến mức trầm trọng, tình cảm giữa hai người không còn. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà K là danh nghĩa và bị ràng buộc về mặt pháp lý, tình cảm giữa ông H và bà K đã thật sự không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại và đạt được, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo đó, ông H yêu cầu ly hôn với bà K thì bà K cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H xin được ly hôn với bà K là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho ông LE, VIET H được ly hôn với bà Bùi Thị Huy K.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: ông H và bà K đều xác nhận không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: ông LE, VIET H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông LE, VIET H.

1/- Về quan hệ hôn nhân: ông LE, VIET H và bà Bùi Thị Huy K được ly hôn.

2/- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/- Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông LE, VIET H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000461 ngày 16/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông LE, VIET H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Dũ

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;*
- *UBND phường 3, tp Sóc Trăng*
- *Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu HSVA-TDS.*